

ĐẤU TRANH BẢO VỆ CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG Ở TRUNG TRUNG BỘ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1961-1965)

• Trần Thúy Hiền^(*)

Tóm tắt

Căn cứ địa cách mạng ở Trung Trung Bộ được thành lập theo chủ trương của Đảng, nhằm đấu tranh với việc chính quyền Ngô Đình Diệm (do Mỹ hậu thuẫn) tăng cường các chiến dịch khủng bố phong trào cách mạng ở miền Nam sau khi Hiệp định Geneve được ký kết năm 1954. Các căn cứ này phần lớn được xây dựng ở những khu vực vùng núi có địa hình hiểm trở, điển hình như: Nước Oa, Nước Là, Sơn-Cầm-Hà, miền Tây tỉnh Quảng Ngãi, Núi Bà, Vân Hòa. Kẻ địch (Quân đội Việt Nam Cộng hòa và quân Mỹ) đã tổ chức nhiều chiến dịch quân sự lớn nhằm tiêu diệt các căn cứ. Quân dân các căn cứ đã xây dựng thế trận, chiến đấu dũng cảm, làm thất bại nhiều cuộc tấn công lớn của địch, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến. Trên thực tế, sự tồn tại và đứng vững của các căn cứ địa đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của phong trào cách mạng địa phương, đồng thời tạo cơ sở để Đảng vạch ra đường lối chiến lược cho cách mạng Việt Nam nhằm đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Từ khóa: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, căn cứ địa cách mạng, Trung Trung Bộ, cuộc tấn công quân sự, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

1. Đặt vấn đề

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (21/7/1954), đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm tìm cách phá hoại Hiệp định, thi hành chính sách cai trị phát xít, tàn bạo nhằm thực hiện mục tiêu chống phá, tiêu diệt phong trào cách mạng, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ, thực hiện chia cắt lâu dài Việt Nam. Song song với việc xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền các cấp, phát triển lực lượng quân sự, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành khủng bố dã man đối với những người yêu nước, tham gia kháng chiến cũ, thực hiện “tố Cộng” trên toàn miền Nam. Từ năm 1956, sau khi đánh phá ác liệt ở vùng đồng bằng Trung Trung Bộ, địch mở chiến dịch “Thượng du vận” tiến công lên miền núi với mục đích triệt tiêu tận gốc lực lượng kháng chiến và các căn cứ địa cách mạng ở miền núi như: Khu B1 (Quảng Nam), Trà Bồng (Quảng Ngãi), Vĩnh Thạnh (Bình Định), Sơn Hòa, Tây Đông Xuân (Phú Yên). Sự đánh phá ác liệt của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm làm cho phong trào cách mạng ở đồng bằng và miền núi Trung Trung Bộ đứng trước nhiều khó khăn, tổn thất nặng nề. Nhiều tổ chức Đảng bị vỡ, một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện và

hàng ngàn đảng viên bị tù đày, hy sinh. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng căn cứ địa cách mạng được đặt ra một cách cấp bách nhằm bảo tồn, giữ gìn lực lượng, bảo vệ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy của Đảng và quần chúng nông cốt để tiến hành kháng chiến lâu dài. Xuất phát từ thực tiễn cách mạng, Bộ Chính trị xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam lúc này là “để bảo vệ các cơ quan đầu não và che giấu cán bộ, cần xây dựng ở các địa phương những cơ sở an toàn và khu an toàn” [5, tr. 91]. Từ giữa năm 1958, Liên Khu ủy V đề ra chủ trương xây dựng Tây Nguyên và miền núi các tỉnh thành căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi để làm nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ [9, tr. 261]. Chủ trương của các cấp ủy Đảng đã kịp thời đáp ứng được yêu cầu thực tế của phong trào cách mạng ở Trung Trung Bộ, là cơ sở để các địa phương đẩy mạnh hoạt động xây dựng căn cứ địa, tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời của các căn cứ địa cách mạng ở Trung Trung Bộ

Thực hiện chủ trương của các cấp ủy Đảng, các tỉnh Trung Trung Bộ đẩy mạnh việc củng cố, xây dựng các căn cứ địa cách mạng. Trong những năm 1960-1965, nhiều căn cứ địa cách mạng đã được hình thành, tiêu biểu như:

^(*) Trường Chính trị Thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Nước Oa (hay Vườn Cam) thuộc xã Trà Tân, huyện Bắc Trà My. Căn cứ Nước Oa nằm dưới chân dãy núi mẹ Hòn Bà. Phía trước là sông Trường và sông Nước Oa, tạo nên triền đất bãi bồi quanh co kéo dài và liên kết các thung lũng lớn nhỏ, cao thấp bên trong. Ấn mình trong khu rừng già kín đáo, cách xa tụ điểm dân cư, phía Bắc là suối Tân, phía Đông là sông Nước Oa, phía Tây và phía Nam đều là rừng già. Căn cứ Nước Oa được xây dựng trên một ngọn đồi um tùm cây cối, xung quanh có rừng núi, sông suối bao bọc, che chở. Nơi đây vừa có thể công vừa có thể thủ, thuận lợi cho việc trú ẩn, cất giấu vũ khí, làm bàn đạp tiến công; nơi ém quân và di chuyển vào Nam ra Bắc. Đặc biệt, địa bàn này có thể tiếp cận với đồng bằng, khai thác nguồn lương thực, thực phẩm, thuốc men tại chỗ đáp ứng yêu cầu của các lực lượng bám trụ tại căn cứ, kể cả trong trường hợp bị bao vây, phong tỏa. Từ giữa năm 1960 đến năm 1973, Nước Oa trở thành nơi đứng chân của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu V. Nơi đây cũng được xem là căn cứ địa đầu tiên của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu V trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Căn cứ Nước Là (Mật khu Đổ Xá), thuộc xã Trà Mai, huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam. Trung tâm của căn cứ là khu vực Tácpor, Nước Là, Ngok La. Khu vực này nằm dưới chân những ngọn núi cao như Hòn Bà ở phía Bắc có độ cao 1.347 m, phía Tây - Tây Nam là núi Ngọc Linh cao 2.598 m. Căn cứ trải rộng trên một địa bàn hiểm trở, dựa lưng vào Tây Nguyên, tiếp giáp với tỉnh Kon Tum, Gia Lai và miền núi Quảng Ngãi. Đây là địa bàn thuận tiện cho việc cơ động liên lạc giữa các tỉnh. Bên trong căn cứ có hệ thống sông suối chằng chịt, ngoài con sông chính là Sông Tranh còn có các sông phụ như sông Trường, Leng, Nước Xa, Nước Là, Nước Ta, Nước Pui, Nước Oa, Nước Vin... Địa điểm này cũng khá thuận lợi để các cơ quan của Khu ủy triển khai cơ sở làm việc và cũng là nơi cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào cho các lực lượng tại căn cứ. Căn cứ Nước Là là nơi đứng chân của Liên Khu ủy - Ban Quân sự khu V từ năm 1960 đến năm 1963.

Căn cứ Sơn - Cẩm - Hà: Ra đời sau thắng lợi của chiến dịch “Vượt sông Tiên”, giải phóng ba xã Phước Sơn, Phước Cẩm, Phước Hà của huyện Tiên

Phước, tỉnh Quảng Nam vào tháng 9/1962. Địa bàn này có một vị thế chiến lược hết sức quan trọng. Đây là một thung lũng, nhưng khá hiểm yếu, địch muốn tấn công phải vượt qua các con đường độc đạo, có đèo cao như đường 614 Tiên Phước - Phước Cẩm, qua dãy Núi Vú; Đường 615 Tam Kỳ - Phước Cẩm qua đèo Eo Gió; Thăng Bình - Phước Sơn phải vượt qua dãy Núi Ngang, hoặc phải qua đốc Xoài, Sông Khang lên Phước Hà. Căn cứ Sơn - Cẩm - Hà ra đời đã mở ra khả năng uy hiếp hệ thống phòng ngự của địch; nối thông với căn cứ Trà My, đồng thời tỏa ra vùng đồng bằng trung du của tỉnh như Hiệp Đức, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ... Sau khi Sơn - Cẩm - Hà được giải phóng và trở thành một căn cứ địa cách mạng có thể công thủ toàn diện, các cơ quan Tỉnh ủy, Tỉnh đội Quảng Nam đã chuyển về đứng chân tại đây để trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy cuộc kháng chiến.

Căn cứ miền Tây tỉnh Quảng Ngãi: Từ sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đến cuối năm 1960, căn cứ địa miền Tây tỉnh Quảng Ngãi đã được hình thành với 54 xã hoàn toàn giải phóng (bao gồm 19 xã thuộc các huyện Trà Bồng, 10 xã Sơn Tây, 8 xã Sơn Hà, 13 xã Ba Tơ và 4 xã Minh Long). Đây là địa bàn có nhiều dãy núi cao hiểm trở như: Cà Đam (Trà Bồng), Đá Vách (Sơn Hà), Cao Muôn (Ba Tơ), tiếp giáp với các tỉnh Quảng Nam, Kon Tum, Bình Định, vừa có thể công, vừa có thể thủ, rất thuận lợi cho việc di chuyển lực lượng, tiếp nhận sự chỉ đạo của Khu ủy, do vậy nơi đây đã trở thành nơi đứng chân an toàn của cơ quan Tỉnh ủy và các cơ quan chuyên môn tỉnh Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ.

Căn cứ Núi Bà: Núi Bà là dãy núi cao nhất ở Bình Định, diện tích khoảng 90 km², địa hình hiểm trở, có thể công thủ toàn diện. Cùng với hệ thống rừng rậm, lòng núi có trên 30 hốc đá và hang động lớn đủ khả năng làm chỗ trú ẩn cho cả một tiểu đoàn, rất thuận lợi cho việc cất giấu lương thực, vũ khí. Địa thế Núi Bà vừa giáp với biển, vừa giáp với đồng bằng nên lực lượng cách mạng dễ dàng hoạt động và rút lui an toàn. Núi Bà là địa bàn rất thuận lợi cho việc xây dựng nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy kháng chiến. Vì vậy, từ năm 1962, các cơ quan của tỉnh, lực lượng vũ trang

của Bình Định về đóng ở đây cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Căn cứ Vân Hòa: Từ năm 1962, ba xã Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân (huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên) được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng Vân Hòa. Cao nguyên Vân Hòa là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc, lại có nhiều gộp đá lớn, liên thông với tỉnh Gia Lai ở hướng Tây, tiếp giáp với các huyện của tỉnh Phú Yên ở các hướng còn lại. Với thế công và thế thủ thuận lợi, căn cứ Vân Hòa trở thành nơi đứng chân cho hầu hết các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận, quân sự, công an, tài chính, giao liên... của tỉnh Phú Yên trong suốt những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (Nguồn tư liệu điền dã của tác giả trong quá trình nghiên cứu).

Sự hình thành và phát triển của các căn cứ địa cách mạng ở Trung Trung Bộ đã khiến cho đối phương không khỏi lo ngại khi chúng nhận thấy rằng: “Những vùng căn cứ địa này đã dần hình thành được thế liên hoàn, hỗ trợ nhau, nhất là về phía Tây và Bắc Quốc lộ 19, Đông và Bắc Quốc lộ số 14”. Địch cũng thừa nhận: “Tình hình hoạt động của Việt cộng ở vùng căn cứ địa Cao Nguyên và Miền Tây các tỉnh Trung Nguyên với sự lấn dần vùng cận sơn đang tạo ra một uy thế đe dọa an ninh đối với toàn bộ vùng đồng bằng Trung Phần” [10, tr.10].

2.2. Xây dựng thế trận và chiến đấu bảo vệ căn cứ địa cách mạng ở Trung Trung Bộ

Để thực hiện mục tiêu triệt phá tận gốc cơ quan đầu não kháng chiến và lực lượng cách mạng, song song với việc đẩy mạnh các chiến dịch tâm lý chiến, rải truyền đơn chiêu dụ cán bộ, nhân dân; thực hiện bao vây, phong tỏa về kinh tế đối với các căn cứ địa; Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà tiến hành tập trung đánh phá bằng hoạt động quân sự. Từ năm 1960 đến 1965, địch liên tục tiến hành nhiều cuộc càn quét với quy mô lớn tấn công vào các căn cứ địa cách mạng. Trong cuộc tấn công vào căn cứ Nước Là vào cuối tháng 2/1961, địch huy động 01 tiểu đoàn lính với sự yểm trợ của trực thăng thực hiện đổ quân, bao vây đánh phá cơ quan, tiêu diệt lực lượng kháng chiến ở đây. Từ tháng 2/1963 đến tháng 10/1963, quân Mỹ - Việt Nam Cộng hoà liên tiếp huy động lực lượng cấp sư đoàn phối hợp

với lực lượng địa phương quân và sự yểm trợ của phi pháo, thiết giáp mở các cuộc càn quét lớn mang tên “Lam Sơn 7”, “Lam Sơn 8” và “Bình Châu” tấn công vào căn cứ Sơn - Cẩm - Hà (Quảng Nam). Trong năm 1965, mức độ đánh phá càng trở nên ác liệt. Vào tháng 4/1965, với sự hỗ trợ của máy bay B.52 và pháo binh, địch tổ chức hai cuộc càn quét cấp trung đoàn tấn công vào căn cứ Núi Bà, nơi đứng chân của Tỉnh ủy Bình Định. Hoạt động đánh phá của địch đã phá huỷ tài sản, mùa màng, khiến cho đời sống của cán bộ, nhân dân các căn cứ trở nên hết sức khó khăn, thiếu thốn. Nạn đói, bệnh tật hoành hành khắp nơi. Do sự kiểm soát gắt gao của địch, hoạt động liên lạc, tiếp tế của đồng bào đối với cán bộ và các căn cứ rất hạn chế. Khi địch thực hiện khung bố ác liệt ở đồng bằng, địa bàn miền núi trở thành nơi trú chân an toàn của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ. Tuy nhiên, lúc địch tập trung lực lượng đánh mạnh lên miền núi thì số cán bộ của Đảng từ đồng bằng lên hoạt động phải tản đi nhiều nơi hoặc phải tạm ẩn nấp sâu hơn trong rừng thẳm, núi cao. Nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện bị tù đày, hy sinh. Sự lãnh đạo của tổ chức Đảng đối với nhân dân vì thế phần nào cũng gặp khó khăn. Thực tế này đã được Đảng chỉ rõ trong Báo cáo về tình hình miền núi Liên khu V: “Chi bộ lúc bình thường lãnh đạo được quần chúng, nhưng lúc địch khung bố, càn quét sinh ra lúng túng; bố trí nắm địch tình, giao thông liên lạc không chặt, không kịp thời giữ vững tinh thần quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, công tác binh địch vận hầu như chưa có” [3, tr. 23].

Trong bối cảnh đó, vượt qua những thử thách khắc nghiệt của chiến tranh, quân dân ở các căn cứ địa cách mạng ở Trung Trung Bộ đã tích cực, chủ động tổ chức bố phòng, chiến đấu bảo vệ căn cứ một cách hiệu quả.

Xây dựng lực lượng vũ trang là một trong những nhiệm vụ căn bản nhằm đảm bảo sức mạnh chiến đấu bảo vệ căn cứ địa. Trong năm 1964, Trung ương tăng cường cho Khu V bốn tiểu đoàn bộ binh 304, 40, 93, 97, Tiểu đoàn 303 súng máy phòng không 12 ly 7 và 2 tiểu đoàn quân bổ sung là 305, 306. Bên cạnh đó, khối lực lượng vũ trang địa phương các tỉnh Trung Trung Bộ được xây dựng đến cấp tiểu đoàn. Năm 1965, thực hiện sự chỉ đạo

của Quân khu về xây dựng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, các tỉnh Quảng Đà, Quảng Ngãi, Bình Định mỗi tỉnh có hai tiểu đoàn tập trung, các huyện có một đến hai đại đội. Lực lượng vũ trang Khu V lúc này đã có 37.000 quân chủ lực, 21.000 quân địa phương, 95.000 du kích [9, tr. 325], lực lượng này trải rộng khắp các địa bàn căn cứ địa cách mạng ở Trung Trung Bộ.

Từ năm 1961, địch mở những cuộc hành quân càn quét quy mô lớn đánh vào các căn cứ địa cách mạng ở miền núi Trung Trung Bộ. Với tinh thần quyết tâm bảo vệ căn cứ, quân và dân các căn cứ địa đã kiên cường bám trụ, chủ động, sáng tạo, tích cực chiến đấu đập tan nhiều cuộc càn quét của địch.

Ngày 28/2/1961, phát hiện cơ quan Khu uỷ V đang đóng ở Nước Lả, đối phương huy động một tiểu đoàn với sự yểm trợ của trực thăng thực hiện đổ quân, bao vây, đánh phá cơ quan, tiêu diệt lực lượng kháng chiến ở Nước Lả nhưng chúng bị tổn thất nặng, buộc phải bỏ dở cuộc hành quân [8, tr. 89].

Tháng 2/1962, được tin địch chuẩn bị hành quân đánh lên Căn cứ Vân Hòa (Phú Yên), lực lượng vũ trang bảo vệ căn cứ đã tổ chức đánh ngăn chặn các đại đội lính địch càn quét trên Đường số 6, Ma Lào, Hồ Thâm, Hòn Chai, Đá Líp. Kết quả là 117 tên địch đã bị tiêu diệt, Căn cứ Vân Hòa được bảo vệ an toàn. Tháng 9/1962, nắm được ý đồ địch sẽ sử dụng chiến thuật “trực thăng vận” đổ quân xuống căn cứ Nà Niêu, Trà Bồng (Quảng Ngãi), các lực lượng trụ bám tại đây đã chủ động chuẩn bị sẵn sàng một hệ thống công sự bao quanh khu vực dự kiến địch đổ quân, tổ chức chặn đánh địch không cho chúng đổ quân. Trong trận đánh này, các lực lượng bảo vệ căn cứ đã bắn rơi 12 máy bay lên thẳng, tiêu diệt và làm bị thương 70 quân, đẩy chúng ra khỏi hành lang căn cứ địa, bảo vệ được cơ quan lãnh đạo của Khu V [6, tr. 109].

Trong năm 1963, địch tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đánh phá. Tuy nhiên, với kinh nghiệm chiến đấu của các năm 1961-1962, quân dân căn cứ địa Trung Trung Bộ tiếp tục tiến lên đánh bại hầu hết các cuộc càn quét quy mô lớn của địch tấn công vào các căn cứ, gây cho địch nhiều thương vong, bảo vệ an toàn cho các cơ quan đầu não kháng chiến.

Tháng 2/1963, trong cuộc chiến đấu chống lại các cuộc càn quét lớn mang tên “Lam Sơn 7”

và “Lam Sơn 8” tấn công vào căn cứ Sơn - Cẩm - Hà, được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Quảng Nam, Huyện ủy Tiên Phước, các trung đội, tiểu đội của Tiểu đoàn 70 lực lượng vũ trang tỉnh trực tiếp xuống tận các xã, thôn để kèm cặp lực lượng du kích. Phong trào du kích chiến tranh được phát động rộng rãi trong quân dân. Lực lượng vũ trang và du kích vận dụng linh hoạt các hình thức tác chiến như tập kích, bắn tỉa..., lừa dụ địch vào các hầm chông, bẫy đá để tiêu hao, tiêu diệt khiến cho chúng hoang mang, chùn bước khi tổ chức các cuộc càn quét vào căn cứ địa.

Tháng 4/1963, để bảo vệ Mật khu Đổ Xá (còn gọi là Căn cứ Nước Lả), bộ đội địa phương và du kích Trà Bồng phối hợp với quân chủ lực của Khu V cùng với quân dân các địa bàn lân cận tổ chức chiến đấu liên tục bao vây và tấn công địch, “tiêu diệt 600 quân, bắn rơi và làm hỏng 20 trực thăng, địch phải vội vã rút quân” [6, tr. 111].

Ác liệt và dai dẳng hơn cả là cuộc chiến đấu của quân dân Sơn - Cẩm - Hà chống lại cuộc càn “Bình Châu” kéo dài suốt từ tháng 7/1963 đến tháng 10/1963. Trong thời gian này, địch liên tục huy động hàng chục xe GMC chở quân lính cùng với sự yểm trợ của M113 tổ chức nhiều cuộc tiến công, tập trung đánh vào Tiên Phong, nơi đứng chân của cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam. Bộ đội địa phương tỉnh và du kích chặn đánh quyết liệt, địch bị tổn thất nặng nề. Để đối phó với tình hình, địch chuyển sang tập trung quân hình thành các chiến đoàn, đưa thêm lực lượng Sư đoàn 2 Việt Nam Cộng hòa lên càn trở lại Tiên Sơn, Tiên Cẩm, Tiên Phong; đổ quân đóng một số chốt điểm tại Tiên Sơn; kéo 10 tiểu đoàn địch từ Tam Kỳ lên đóng rải rác ở các xã Tiên Sơn, Tiên Cẩm, Tiên Phong, Tiên Mỹ và một số xã của huyện Tam Kỳ, Thăng Bình. Cuộc đấu tranh bảo vệ căn cứ địa cách mạng lần này được thực hiện trên cả ba mũi giáp công. Thực hiện kế hoạch phối hợp của Tỉnh đội và Huyện đội, trong khi lực lượng vũ trang tỉnh đánh vào các ấp chiến lược ở Tiên Sơn, thôn 4 Tiên Cẩm, Gò Bụt, Tiên Phong, bộ đội huyện, du kích các xã nhân cơ hội này đã đẩy mạnh tấn công, giải phóng các xã Tiên Phong, Tiên Sơn, Tiên Cẩm. Quân Việt Nam Cộng hòa bị tổn thất, buộc chúng phải rút lui. Cùng lúc này, phong trào du kích chiến tranh phát triển

manh mẽ, du kích các xã quân bám đánh địch, tham gia chống càn, liên tục quấy rối địch. Hỗ trợ cho hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân diễn ra dưới nhiều hình thức. Nhân dân Tiên Sơn, Tiên Cẩm vừa phối hợp với du kích và bộ đội phá rào thép gai, lấp chiến hào của địch, vừa xây dựng vừa đấu tranh đòi địch bồi thường lúa, nhà cửa bị đốt, bồi thường nhân mạng những người bị chết do bom đạn, đòi chồng con bị bắt lính trở về... Đến cuối tháng 10/1963, các mũi đấu tranh của lực lượng vũ trang và quần chúng đã làm phá sản chiến dịch “Bình Châu” của địch, bảo vệ vững chắc căn cứ Sơn - Cẩm - Hà [8, tr. 91].

Trong điều kiện quân đội Việt Nam Cộng hòa dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, tiến hành đánh phá ngày càng ác liệt, việc đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh trở thành yêu cầu tất yếu, góp phần quan trọng vào hoạt động chiến đấu bảo vệ các căn cứ địa ở Trung Trung Bộ. Lực lượng du kích các địa phương không ngừng được củng cố và tăng cường. Mỗi thôn thành lập 1 trung đội dân quân, xã có 1 đến 2 trung đội du kích. Hệ thống làng chiến đấu được chú trọng xây dựng vững chắc. Cuối 1965, Quảng Đà có 107 thôn và 5 xã xây dựng làng chiến đấu, huy động 49.350 công của quần chúng tham gia phát triển 229 tuyến chiến đấu dài 3.727 m và nhiều bờ rào, chông thò, cạm bẫy [7, tr. 50]. Quảng Ngãi cũng xây dựng 294 thôn chiến đấu, đào được gần 20 km địa đạo và 710 km giao thông hào, 845 công sự chiến đấu, 26.547 hầm chống tăng [1, tr. 230]. Các thôn xã chiến đấu được xây dựng vững mạnh đã phát huy tác dụng tốt trong việc chống lại các hoạt động lùng sục, càn quét của địch vào căn cứ địa. Bên cạnh đó, du kích tại các căn cứ địa ở Trung Trung Bộ còn sử dụng nhiều phương thức đánh giặc hết sức phong phú sáng tạo. Ở Phú Yên, du kích An Xuân dùng cả ong vò vẽ đánh giặc. Du kích Hòa Xuân dùng súng giả chặn tàu địch thu vũ khí. Du kích Đồng Xuân tháo ốc đường ray sau đó kéo đường ray cho tàu địch đổ... Du kích huyện Hiên (Quảng Nam) chế tạo dàn thò liên hoàn làm chết một lúc hàng chục tên địch. Trong năm 1965, lực lượng vũ trang và du kích các xã căn cứ miền núi tỉnh Quảng Đà đã đánh 25 trận, tiêu diệt hàng trăm quân địch [7, tr. 50]. Sự phát triển mạnh mẽ

của phong trào du kích chiến tranh đã góp phần tiêu hao một bộ phận sinh địch, hạn chế sự đánh phá của chúng đối với các căn cứ địa.

Cùng với thắng lợi của chiến tranh du kích, trong năm 1964 và 1965, lực lượng vũ trang chính quy cũng lập nên nhiều chiến công tiêu biểu trong cuộc chiến đấu bảo vệ căn cứ địa. Tháng 4/1964, lực lượng an ninh vũ trang của tỉnh Quảng Ngãi và căn cứ Trà Bồng phối hợp với các đơn vị vũ trang Khu V tổ chức phục kích đánh bại cuộc hành quân càn quét của địch mang tên “Chiến dịch Quyết thắng 202” đánh vào căn cứ Nước Là, bảo vệ an toàn cho phần lớn các cơ quan, kho tàng, các cơ sở sản xuất, đường dây, trạm trại trong căn cứ. Cũng trong tháng 4/1964, các lực lượng trụ bám đã bẻ gãy cuộc càn quét của địch tấn công vào Căn cứ Núi Bà, tiêu diệt 50 tên, bắn rơi 7 máy bay trực thăng, thu nhiều vũ khí trang bị chiến tranh.

Trên cơ sở những thắng lợi và kinh nghiệm chiến đấu, trong năm 1965, các lực lượng trụ bám tiếp tục đánh bại các cuộc hành quân “tìm diệt” tấn công vào căn cứ địa ở Trung Trung Bộ.

Ngày 14/12/1965, địch mở cuộc càn lớn với trên 1.200 lính thủy đánh bộ Mỹ tấn công vào Căn cứ Sơn - Cẩm - Hà. Tuy nhiên, khi vào đây, đi đến đâu chúng cũng vấp phải hầm chông, bãi mìn do nhân dân và du kích cài đặt. Lực lượng du kích các xã Tiên Sơn, Tiên Cẩm lúc ẩn, lúc hiện liên tục bắn tỉa, phục kích, tập kích làm chết và bị thương hàng chục quân địch. Sau 3 ngày bị tiêu hao lực lượng, chiều ngày 17/12/1965, địch kéo xuống Cẩm Khê. Lúc này, Trung đoàn Ba Gia và Tiểu đoàn 70 đã dựa vào địa hình quanh co, vực thẳm, tổ chức bao vây, phục kích, tiêu diệt 450 quân địch, bắn rơi 3 máy bay. Đây là lần đầu tiên trên chiến trường Quảng Nam, cuộc hành quân “tìm diệt” với quy mô cấp tiểu đoàn của địch đã hoàn toàn thất bại [2, tr. 128]. Căn cứ Sơn - Cẩm - Hà vẫn đứng vững.

3. Một số nhận xét

Từ quá trình ra đời, hoạt động xây dựng thế trận và chiến đấu bảo vệ các căn cứ địa ở Trung Trung Bộ, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

Thứ nhất, các căn cứ địa ra đời chủ yếu tập trung ở địa bàn miền núi. Sự tồn tại và đứng vững của các căn cứ đã tạo nên thế bao vây, uy hiếp đối với các cơ quan đầu não của địch ở đồng bằng, vì

vậy chúng coi việc đối phó với các căn cứ trở thành “vấn đề cấp thiết trước mắt cần phải tiến hành một cách khẩn trương gấp rút hơn bao giờ hết” [10, tr. 30]. Mỹ và Việt Nam Cộng hòa đã tập trung lực lượng với quy mô lớn để đánh vào các căn cứ địa cách mạng. Thế nhưng, chẳng những địch không tiêu diệt được lực lượng ở các căn cứ mà chúng còn bị tổn thất nặng nề. Hoạt động chiến đấu của lực lượng vũ trang và nhân dân các căn cứ miền núi không những đã góp phần tiêu hao đáng kể một bộ phận sinh lực địch mà còn khiến chúng phải co cụm về đồng bằng, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang xây dựng bàn đạp để mở rộng căn cứ về đồng bằng.

Thứ hai, các căn cứ địa cách mạng trở thành nơi đứng chân an toàn cho các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy kháng chiến ở Khu V và các địa phương đồng thời là nơi xây dựng và phát triển tiềm lực cách mạng của địa phương. Trong kháng chiến chống Mỹ, cơ quan Khu ủy V và Bộ Tư lệnh Quân khu V chủ yếu đứng chân hoạt ở Nước Lã, Nước Oa. Căn cứ Sơn - Cẩm - Hà là nơi đứng chân của Tỉnh ủy Quảng Nam. Ban chỉ đạo tiền phương và các cơ quan Tỉnh ủy Bình Định đóng cơ quan ở các Căn cứ Núi Bà. Tỉnh ủy Phú Yên đứng chân ở Căn cứ Vân Hòa. Lực lượng vũ trang Quân khu V và các địa phương ra đời và được tổ chức huấn luyện tại các căn cứ. Bên cạnh hoạt động chiến đấu, các căn cứ còn chủ động sản xuất tự cấp, tự túc, thực hiện nghĩa vụ của hậu phương tại chỗ đối với cuộc kháng chiến tại địa bàn.

Thứ ba, sự tồn tại và đứng vững của các căn cứ địa cách mạng nói trên góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng Khu V. Chính nhờ có các căn cứ địa

mà lực lượng cách mạng không ngừng được bảo tồn và xây dựng, hoạt động chiến tranh du kích phát triển. Sự ra đời, phát triển của các căn cứ địa cách mạng và thực tiễn chiến trường miền Nam trong đó có vùng Trung Trung Bộ là cơ sở quan trọng để Đảng xác định con đường tiến lên của cách mạng miền Nam, đó là: “có khởi nghĩa bộ phận, lập căn cứ địa, có chiến tranh du kích rồi tiến lên tổng khởi nghĩa”[4, tr. 31].

4. Kết luận

Cũng với sự ra đời, phát triển và hoạt động của các căn cứ địa ở Trung Trung Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là cuộc chiến đấu ác liệt để bảo vệ các căn cứ này trong những năm 1961-1965. Cuộc chiến đấu bảo vệ các căn cứ địa diễn ra với sự phối hợp của lực lượng ba thứ quân trên lĩnh vực quân sự là chủ yếu, lần lượt làm thất bại âm mưu của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, đây là một cơ sở để làm thất bại chiến lược ‘Chiến tranh đặc biệt’ (1966-1965) của Mỹ ở Trung Trung Bộ.

Sự tồn tại vững chắc của các căn cứ địa ở Trung Trung Bộ đã đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến tại địa phương, tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp nhằm làm thất bại các hoạt động đánh phá của địch, bảo vệ an toàn nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy kháng chiến của các tỉnh và Khu V trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây cũng là cơ sở để khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng về xây dựng căn cứ địa cách mạng miền Nam. Từ đó, góp phần tạo thế và lực mới cho một giai đoạn chiến đấu mới, giai đoạn đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) của đế quốc Mỹ./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1999), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945-1975)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Ban Chỉ huy quân sự huyện Tiên Phước (1999), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân Huyện Tiên Phước (1945-1975)*, Ban Chỉ huy quân sự huyện Tiên Phước xuất bản.
- [3]. *Báo cáo bổ sung về tình hình miền núi Liên khu V*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Kí hiệu K5/13.7.
- [4]. Lê Duẩn (1985), *Thư vào Nam*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 20, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Đảng ủy - Ban chỉ huy quân sự huyện Trà Bồng (2010), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trà Bồng (1945 - 2010)*, NXB Quân đội Nhân dân.
- [7]. Đặc khu ủy Quảng Đà (1965), *Báo cáo tình hình địch và hoạt động của ta trong năm 1965*, Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, kí hiệu 39 - III.

[8]. Trần Thuý Hiền (2015), *Căn cứ địa cách mạng ở Trung Trung Bộ trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đại học Sư phạm Huế.

[9]. Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến (1995), *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[10]. *Tài liệu về vấn đề đối phó với mật khu VC ở Trung cao nguyên Trung phần*, TTLTQGII, Kí hiệu hồ sơ: PTT 15234.

THE STRUGGLE TO PROTECT THE REVOLUTIONARY MILITARY BASES IN THE MID – CENTRAL REGION IN THE ANTI – AMERICAN WAR (1960-1965)

Summary

The revolutionary military bases in the coastal provinces of the Mid-Central Region were established under the Party's policy in order to deal with increasing terrorist campaigns launched by the US-supported government of Ngo Dinh Diem against revolutionary cadres in South of Vietnam after the 1954 Geneva Agreements were signed. These bases built mostly in mountainous, difficult areas include typically Nuoc Oa, Nuoc La, Son-Cam-Ha, West Quang Ngai Province, Nui Ba, and Van Hoa. The enemies (i.e. Republic Vietnam and US Armies) launched intensive military offensives in order to destroy those evolutionary bases. However, the local people and the revolutionary army bravely fought back and defeated the large-scale military operations, successfully protected the headquarters of the resistance war. In fact, the bases' establishment and resilience significantly contributed to the development of the revolutionary movement in the local region. It also helped the Party develop Vietnam's revolutionary strategy to defeat that of the US imperialists' "Attrition War".

Keywords: Anti-American War; revolutionary military base; the mid-central region; military offensive; "Attrition War" strategy.

Ngày nhận bài: 16/10/2018; Ngày nhận lại: 22/01/2019; Ngày duyệt đăng: 22/02/2019.